

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 12 năm 2022

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông: Nguyễn Ánh Dương

*** Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Văn Thiện.

2. Ông Trần Anh Dũng.

*** Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Văn N - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên.

*** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 156/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (Có mặt)

Cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Ngô Hoài N, sinh năm 1986 (Có mặt)

Cư trú: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và chị Ngô Hoài N kết hôn ngày 07/11/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, chị và anh N về chung sống với nhau tại nhà đi thuê. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không có con

chung. Nguyên nhân do giữa chị và anh N không hòa hợp nên hay cãi nhau. Vợ chồng chị đã ly thân từ ngày 03/2019 đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng và gia đình không hòa giải đoàn tụ được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Hoài N.

Về con chung: Chị và anh N không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H có mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh N.

** Tại Bản tự khai ngày 12/12/2022 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Ngô Hoài N trình bày:*

Anh đã nhận được Thông báo thụ lý, các giấy triệu tập, Thông báo hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Anh thống nhất với chị Nguyễn Thị H về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn.

Sau khi kết hôn, anh và chị H về chung sống với nhau tại nhà đi thuê. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không có con chung. Nguyên nhân do giữa anh và chị H không hòa hợp nên hay cãi nhau. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ ngày 03/2019 đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng và gia đình không hòa giải đoàn tụ được. Nay chị H xin ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 05/12/2022, ông Dương Văn Đ – Trưởng thôn L, xã V cho biết: Anh Ngô Hoài N là công dân địa phương. Chị H kết hôn với anh N năm 2014, sau khi kết hôn vợ chồng anh N, chị H ra thành phố Hà Nội làm ăn. Quá trình chung sống, vợ chồng anh N, chị H phát sinh mâu thuẫn gì thì không nắm được. Năm 2020 anh N về sinh sống một mình tại địa phương. Đề nghị Toà án giải quyết việc ly hôn theo quy định.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, khoản 3 Điều 144 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Ngô Hoài N.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 20/10/2022, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H với bị đơn là anh Ngô Hoài N là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Hoài N xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H, anh N có thời gian chung sống hạnh phúc đến ngày 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau, nguyên nhân do vợ chồng chị H, anh N bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị H, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Ngô Hoài N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H, anh N không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị H, anh Ngô Hoài N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Ngô Hoài N.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Hoài N không có con chung, không yêu cầu giải quyết.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0011877 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Việt Lập;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương